SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 166 /BC-CVA

Bồng Sơn, ngày 18 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường trung học phổ thông chuyên Chu Văn An

Tên tiếng Anh: Chu Van An High School for the Gifted

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử)

- Địa chỉ: khu phố 5, phường Bồng Sơn, tỉnh Gia Lai.
- Điện thoại: 0256 3761678.
- Thư điện tử: thptchuyenchuvanan@sgddt.binhdinh.gov.vn.
- Trang thông tin điện tử: https://www.thptchuyenchuvanan-binhdinh.edu.vn/

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có)

- Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập.
- Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo Gia Lai.

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

- **Sứ mệnh: "**Đào tạo học sinh có tư chất thông minh, đạt kết quả xuất sắc trong học tập, phát triển năng khiếu về các môn học chuyên trên cơ sở đảm bảo giáo dục toàn diện về đạo đức, học lực và sức khỏe; mỗi học sinh đều có cơ hội phát huy tiềm năng, tính sáng tạo và phát triển tối đa năng lực của bản thân".

- **Tầm nhìn: "**Là một trong những trường có chất lượng giáo dục hàng đầu của tỉnh mà học sinh sẽ lựa chọn để học tập và rèn luyện, là nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn tới xuất sắc".

- **Giá trị cốt lõi:** "Sự tôn trọng - Sự trung thực - Sự lắng nghe; Tính kỷ luật - Tinh thần hợp tác - Khát vọng vươn lên".

- **Mục tiêu:** Xây dựng nhà trường có chất lượng giáo dục cao, có trang thiết bị dạy học đồng bộ, hiện đại là hình mẫu của các trường THPT về cơ sở vật chất, đội ngũ nhà giáo, học sinh, các hoạt động giáo dục và đáp ứng được nhu cầu, nguyện vọng của học sinh và phụ huynh. Đảm bảo thực hiện nhiệm vụ phát hiện,

giáo dục những học sinh có tư chất thông minh, đạt kết quả xuất sắc trong học tập thành những người có lòng yêu đất nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc, có ý thức tự lực, có nền tảng kiến thức vững vàng, có phương pháp tự học, tự nghiên cứu và sáng tạo, có sức khỏe tốt để tạo nguồn tiếp tục đào tạo thành nhân tài, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

- Lịch sử hình thành

Trường THPT chuyên Chu Văn An được thành lập theo Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Gia Lai V/v thành lập các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Gia Lai (trước đây là Quyết định số 4737/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định). Đây là mốc thời gian đánh dấu sự ra đời và phát triển của ngôi trường với niềm tin và khát vọng - nơi ươm mầm những tài năng trẻ cho quê hương đất nước.

- Quá trình phát triển

Năm học 2017-2018, nhà trường tuyển sinh 08 lớp 10 năm học đầu tiên với 167 em thuộc các lớp chuyên Toán, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học, Ngữ văn, Tiếng Anh và 01 lớp không chuyên. Đội ngũ nhà giáo 20 người, gồm 02 cán bộ quản lý và 18 giáo viên được điều động từ các trường THPT trên địa bàn về nhận công tác tại trường. Cơ sở vật chất gồm 02 dãy nhà lớp học (16 phòng), 01 dãy phòng bộ môn (04 phòng) và nhà hiệu bộ.

Đến năm học 2025 - 2026, trường có 773 học sinh, 25 lớp (24 lớp chuyên và 01 lớp không chuyên của khối lớp 12). Đội ngũ viên chức quản lý, giáo viên, nhân viên trong biên chế 64 người, gồm 03 cán bộ quản lý, 54 giáo viên và 07 nhân viên. Cơ sở vật chất nhà trường được đầu tư đầy đủ các khối phòng học; phòng môn Tin học, Vật lí-Công nghệ, Hóa học, Sinh học, Ngoại ngữ, phòng học đa năng, thư viện; nhà nội trú cho học sinh; nhà để xe; nhà thể thao đa năng; sân thể thao,... Trang thiết bị phục vụ dạy và học đầy đủ, đồng bộ và hiện đại; cảnh quan nhà trường xanh, sạch, đẹp, an toàn và thân thiện đáp ứng tốt yêu cầu dạy học và các hoạt động giáo dục khác.

- Tình hình học sinh qua các năm:

Năm học	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	2025-2026
Số lượng HS	646	700	749	781	773

- Các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường:

+ Chi bộ đảng có 33 đảng viên (10 đảng viên nữ), cấp ủy có 05 đồng chí.

+ Đoàn Thanh niên có 26 chi đoàn (01 chi đoàn giáo viên và 25 chi đoàn học sinh).

+ 06 tổ chuyên môn: tổ Toán-Tin: 12 người; tổ Hóa-Sinh 09 người; tổ Ngữ văn 08 người; tổ Sử-Địa-GDKTPL: 06 người; tổ Vật lí-GDTC-Quốc phòng: 11 người; tổ Ngoại ngữ: 08 người.

+ Tổ văn phòng: 08 người, gồm (01 kế toán, 01 văn thư, 02 giáo vụ, 01 nhân viên y tế, 02 nhân viên bảo vệ, 01 nhân viên phục vụ).

Ngoài ra trường có chi hội chữ thập đỏ, chi hội khuyến học.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

- Người đại diện pháp luật: Dương Trọng Anh

- Chức vụ: Hiệu trưởng

- Địa chỉ nơi làm việc: khu phố 5, phường Bồng Sơn, tỉnh Gia Lai.

- Số điện thoại: 0905473212; 0256 367 62 68

- Địa chỉ thư điện tử: tronganh_ccva@sgddt.gialai.gov.vn

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có)

- Quyết định số 4737/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc thành lập Trường trung học phổ thông chuyên Chu Văn An trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Gia Lai V/v thành lập các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Gia Lai

b) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục

- Quyết định số 273/QĐ-SGDĐT ngày 23/7/2025 của Giám đốc Sở GDĐT V/v bổ nhiệm viên chức quản lý.

- Quyết định số 274/QĐ-SGDĐT ngày 23/7/2025 của Giám đốc Sở GDĐT V/v bổ nhiệm viên chức quản lý.

- Quyết định số 275/QĐ-SGDĐT ngày 23/7/2025 của Giám đốc Sở GDĐT V/v bổ nhiệm viên chức quản lý.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

Cơ chế hoạt động: Trường THPT chuyên hoạt động theo Thông tư 05/2023/TT-BGDĐT ngày 28/2/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên; Thông tư số 15/2026/TT-

BGDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Quyết định số 522/QĐ-SGDĐT ngày 09/4/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2026 -2030;

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục:

*** Vị trí, chức năng:** Trường THPT chuyên Chu Văn An là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Định. Trường có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng.

*** Nhiệm vụ, quyền hạn:** Nhiệm vụ, quyền hạn của Trường được quy định tại Điều 3 Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể:

- Xác định tầm nhìn, sứ mạng, các giá trị cốt lõi của nhà trường; xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục nhà trường đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông, phù hợp với điều kiện thực tiễn, nhu cầu và đặc điểm của học sinh.

- Quyết định phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục, bao gồm tổ chức thực hiện chương trình giáo dục phổ thông; hoạt động trải nghiệm, giáo dục STEM/STEAM, năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI), hướng nghiệp, kĩ năng sống, giáo dục hội nhập, giáo dục hòa nhập và các hoạt động giáo dục tăng cường theo nhu cầu, sở thích chính đáng của học sinh, phù hợp với quy định của pháp luật; không vi phạm quy định về dạy thêm, học thêm. Chủ động triển khai hoặc phối hợp với tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có chức năng trong hoạt động giáo dục, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo để thực hiện chương trình giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, tập trung vào đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh, phát triển đội ngũ, tăng cường điều kiện bảo đảm chất lượng, nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường và đạt chuẩn quốc gia. Tham gia các kỳ đánh giá quốc gia, quốc tế về chất lượng giáo dục phổ thông theo yêu cầu của các cơ quan quản lý giáo dục quốc gia và địa phương.

- Thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục phổ thông và quản trị nhà trường; ứng dụng công nghệ thông tin, nền tảng số trong dạy học, kiểm tra, đánh giá và quản lý; phát triển, sử dụng học liệu số; quản lý, khai thác, kết nối dữ liệu giáo dục theo quy định, bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin.

- Tuyển sinh, tiếp nhận, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tổ chức thực hiện giáo dục bắt buộc đối với cấp tiểu học và trung học cơ sở. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học và cấp trung học cơ sở theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

- Quản lý, thực hiện chế độ, chính sách đối với giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, nhân sự hỗ trợ giáo dục theo quy định của pháp luật; tổ chức cho giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, nhân sự hỗ trợ giáo dục, học sinh tham gia các hoạt động xã hội; thực hiện quy chế dân chủ trong trường học.

- Phối hợp với gia đình, cộng đồng trong giáo dục học sinh, tổ chức các hoạt động tư vấn học sinh, chăm sóc sức khỏe thể chất, tinh thần cho học sinh và tổ chức các hoạt động xã hội; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, dân chủ, kỷ cương; phòng, chống tiêu cực, bạo lực học đường và các hành vi vi phạm pháp luật trong nhà trường; thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, sách giáo khoa bảo đảm sử dụng hiệu quả, tiết kiệm; huy động và sử dụng các nguồn lực xã hội hóa phục vụ hoạt động dạy và học trong nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật. Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Trường có thêm nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 2 Thông tư số 05/2023/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2023 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên, cụ thể:

- Tổ chức và thực hiện kế hoạch dạy học chương trình giáo dục nâng cao do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định;

- Nghiên cứu vận dụng phù hợp, hiệu quả chương trình giáo dục và các phương pháp quản lý, dạy học, kiểm tra, đánh giá tiên tiến; thúc đẩy triển khai giáo dục về khoa học, công nghệ, kỹ thuật, nghệ thuật và toán học trong giáo dục phổ thông;

- Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng, cơ cấu; giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ; có năng lực nghiên cứu khoa học; sử dụng được ngoại ngữ trong giao tiếp, dạy học và nghiên cứu khoa học;

- Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên để đáp ứng mục tiêu, nhiệm vụ của trường chuyên;

- Phát triển hoạt động hợp tác với các cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở nghiên cứu khoa học trong nước và nước ngoài để nâng cao chất lượng giáo dục;

- Xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển và tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học theo quy định của pháp luật để đáp ứng mục tiêu, nhiệm vụ của trường chuyên;

- Tổ chức và quản lý các hoạt động nội trú của học sinh;

- Xây dựng, quản lý và sử dụng hiệu quả hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ cho việc quản lý, giáo dục và đánh giá chất lượng, hiệu quả hoạt động của nhà trường;

- Tổ chức theo dõi quá trình học tập và làm việc của cựu học sinh;

- Trong mỗi năm học, chủ trì tổ chức ít nhất 01 (một) hội thảo chuyên đề về tổ chức và quản lý các hoạt động giáo dục trong nhà trường với sự tham gia của các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông khác nhằm chia sẻ những giải pháp và kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của trường chuyên theo quy định.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

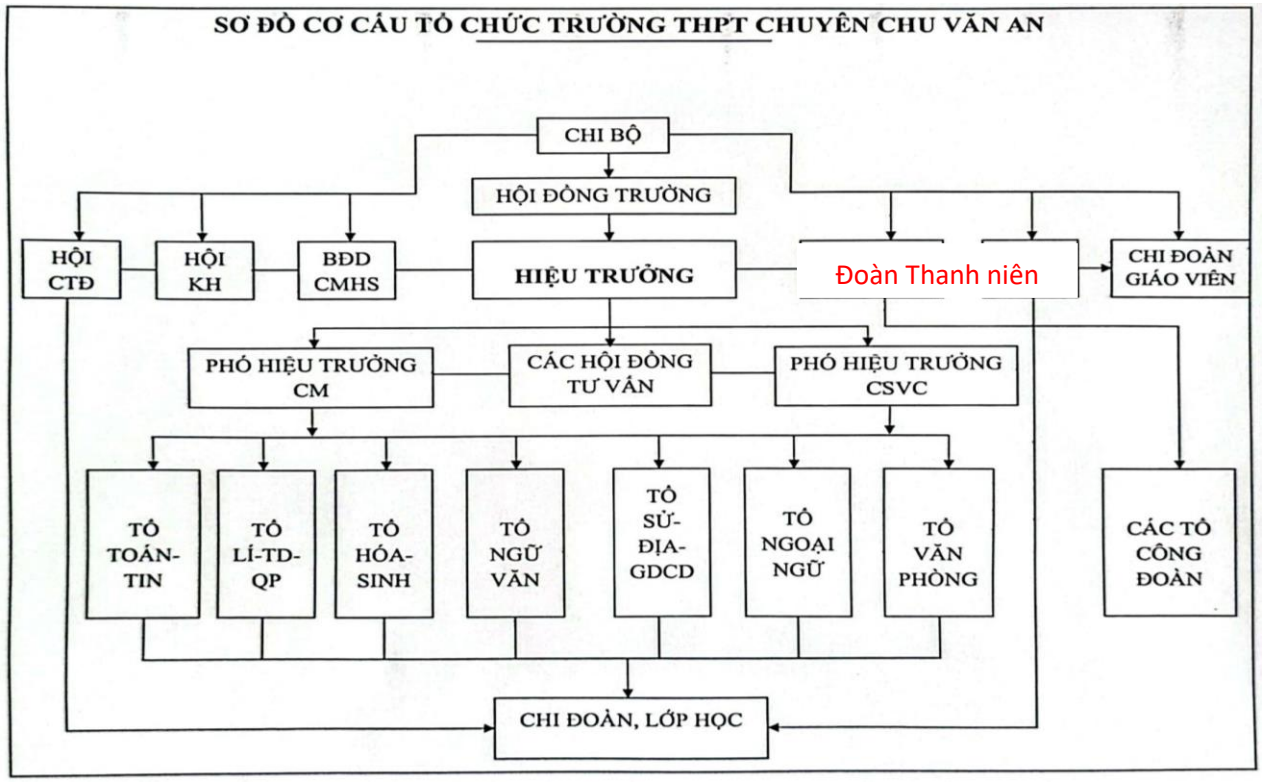

đ) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

TT	Họ tên	Chức vụ	Điện thoại	Thư điện tử
1	Dương Trọng Anh	Hiệu trưởng	0905473212	tronganh_ccva@sgddt.gialai.gov.vn
2	Trần Huy Bình	P. Hiệu trưởng	0905355369	binh35@gmail.com
3	Nguyễn Phước Bình	P. Hiệu trưởng	0976883135	phuocbinh2009@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: khu phố 5, phường Bồng Sơn, tỉnh Gia Lai.

7. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác

(nếu có).

- Chiến lược phát triển nhà trường: Kế hoạch chiến lược phát triển Trường THPT chuyên Chu Văn An giai đoạn 2025 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2035 đã được Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

- Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục ban hành kèm theo Quyết định số 78/QĐ-CCVA ngày 01/10/2025 của Hiệu trưởng THPT chuyên Chu Văn An.

- Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính:

+ Quy chế làm việc ban hành kèm theo Quyết định số 160/QĐ-CVA ngày 14/10/2024 của Hiệu trưởng THPT chuyên Chu văn An.

+ Quy chế chi tiêu nội bộ ban hành kèm theo Quyết định số 01/QĐ-CCVA ngày 02/01/2026 của Hiệu trưởng THPT chuyên Chu văn An.

+ Quy chế quản lý tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 03/QĐ-CCVA ngày 02/01/2026 của Hiệu trưởng THPT chuyên Chu văn An.

+ Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công ban hành kèm theo Quyết định số 02/QĐ-CVA ngày 02/01/2026 của Hiệu trưởng THPT chuyên Chu văn An.

- Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục: Nghị quyết số 29/2026/NQ-HĐND ngày 24/4/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách khuyến khích đối với cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh các trường trung học phổ thông, trung học phổ thông chuyên trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Gia Lai.

- Kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác: Thông báo tuyển dụng viên chức hằng năm của Sở GDĐT.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

STT	Tên vị trí việc làm	Số lượng người làm việc được giao/phê duyệt		Số lượng người làm việc hiện có				
		Được giao	Tự chủ	Tổng cộng	Viên chức từ nguồn được giao	Viên chức từ nguồn tự chủ	HĐLĐ Chuyên môn nghiệp vụ	HĐLĐ hỗ trợ, phục vụ
I.	**Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý**							
1	Hiệu trưởng	1		1	1			
2	Phó Hiệu trưởng	2		2	2			

STT	Tên vị trí việc làm	Số lượng người làm việc được giao/phê duyệt		Số lượng người làm việc hiện có				
		Được giao	Tự chủ	Tổng cộng	Viên chức từ nguồn được giao	Viên chức từ nguồn tự chủ	HĐLĐ Chuyên môn nghiệp vụ	HĐLĐ hỗ trợ, phục vụ
II.	**Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành**							
1	Giáo viên hạng I	6		0	0			
2	Giáo viên hạng II	34		27	27			
3	Giáo viên hạng III	28		27	27			
4	Thiết bị, thí nghiệm	2		2	2			
5	Giáo vụ	2		2	2			
6	Tư vấn học sinh			0	0			
7	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật			0	0			
III.	**Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung**							
1	Thư viện	1		0	0			
2	Kế toán	1		1	1			
3	Văn thư	1		1	1			
4	Thủ quỹ			0	0			
5	Y tế học đường	1		1	1			
IV.	**Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ**							
1	Nhân viên Bảo vệ			2				2
2	Nhân viên Phục vụ			1				1

2. Số lượng, tỉ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

Thực hiện đánh giá theo các quy định: Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư ban hành quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông; Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý được đánh giá: 38

- CBQL: Xếp loại Tốt: 3, tỉ lệ: 100% ; Khá: 0, tỉ lệ: 0; Đạt: 0, tỉ lệ: 0%; Chưa đạt: 0.

- Giáo viên : Xếp loại Tốt: 54, tỉ lệ: 100% ; Khá: 0, tỉ lệ: 0; Đạt: 0, tỉ lệ: 0%; Chưa đạt: 0.

3. Số lượng, tỉ lệ giáo viên, cán bộ quản lý hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên theo quy định

- CBQL: Hoàn thành: 3/3, tỉ lệ: 100%;

- Giáo viên: Hoàn thành: 54/54, Tỉ lệ: 100%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

TT	Điểm trường	Diện tích đất (m^2)	Diện tích bình quân (m^2/HS)	Đạt yêu cầu theo quy định
1	Điểm chính	24.531	31.41	Đạt
	Tổng cộng	24.531	31.41	Đạt

2. Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các cơ sở giáo dục có tổ chức nấu ăn); khối phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Diện tích	Đạt yêu cầu theo quy định
I	**Khối phòng hành chính quản trị**				
1	Phòng Hiệu trưởng	Phòng	01	32 m^2	Đạt ***Mức độ 2*** theo TT 13/2020/TT-BGDĐT, 26/05/2020
2	Phòng Phó Hiệu trưởng	Phòng	02	32 m^2/	Đạt ***Mức độ 2*** theo TT 13/2020/TT-BGDĐT, 26/05/2020

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Diện tích	Đạt yêu cầu theo quy định
3	Phòng làm việc của nhân viên	Phòng	01	64 m^2	Đạt ***Mức độ 2*** theo TT 13/2020/TT-BGDĐT, 26/05/2020
4	Phòng bảo vệ	Phòng	01	16 m^2	Đạt ***Mức độ 2*** theo TT 13/2020/TT-BGDĐT, 26/05/2020
5	Khu vệ sinh giáo viên	Khu	02	46 m^2	Đạt **Mức độ *Tối thiểu*** theo TT 13/2020/TT-BGDĐT, 26/05/2020
6	Nhà để xe giáo viên	Nhà	01	100 m^2	Đạt ***Mức độ 2*** theo TT 13/2020/TT-BGDĐT, 26/05/2020
7	Phòng Kế toán	Phòng	01	16 m^2	Đạt ***Mức độ 2*** theo TT 13/2020/TT-BGDĐT, 26/05/2020
7	Phòng Chi bộ	Phòng	01	16 m^2	Đạt ***Mức độ 2*** theo TT 13/2020/TT-BGDĐT, 26/05/2020
8	Phòng Công đoàn	Phòng	01	16 m^2	Đạt ***Mức độ 2*** theo TT 13/2020/TT-BGDĐT, 26/05/2020
9	Phòng tổ bộ môn	Phòng	06	24 m^2	Đạt ***Mức độ tối thiểu*** theo TT 13/2020/TT-BGDĐT, 26/05/2020
II	**Khối phòng học tập**				
1	Phòng học	Phòng	24	55 m^2	Đạt ***Mức độ 2*** theo TT 13/2020/TT-BGDĐT, 26/05/2020
2	Phòng học bộ môn	Phòng	05	84.3m^2	Đạt ***Mức độ 2*** theo TT 13/2020/TT-BGDĐT, 26/05/2020
3	Phòng đa chức năng	Phòng	01	84.3m^2	Đạt ***Mức độ 2*** theo TT 13/2020/TT-BGDĐT, 26/05/2020

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Diện tích	Đạt yêu cầu theo quy định
4	Phòng Ngoại ngữ	Phòng	02	84.3m^2	Đạt ***Mức độ 2*** theo TT 13/2020/TT-BGDĐT, 26/05/2020
III	**Khối phòng hỗ trợ học tập**				
1	Thư viện	Phòng	01	84.3m^2	Đạt ***Mức độ 1*** theo TT 16/2022/TT-BGDĐT, 22/11/2022
2	Phòng thiết bị giáo dục	Phòng	02	32 m^2	Đạt ***Mức độ 1*** theo TT 13/2020/TT-BGDĐT, 26/05/2020
3	Phòng tư vấn học đường	Phòng	01	24 m^2	Đạt ***Mức độ tối thiểu*** theo TT 13/2020/TT-BGDĐT, 26/05/2020
4	Phòng truyền thống				Ghép với phòng Đoàn
5	Phòng Đoàn đội	Phòng	01	84.3 m^2	Đạt ***Mức độ tối thiểu*** theo TT 13/2020/TT-BGDĐT, 26/05/2020
IV	**Khối phụ trợ, sân chơi thể dục thể thao**				
1	Phòng họp	Phòng	01	67 m^2	Đạt ***Mức độ 2*** theo TT 13/2020/TT-BGDĐT, 26/05/2020
2	Phòng y tế	Phòng	01	24 m^2	Đạt ***Mức độ 2*** theo TT 13/2020/TT-BGDĐT, 26/05/2020
3	Khu vệ sinh học sinh	Khu	07	184 m^2	Đạt ***Mức tối thiểu*** theo TT 13/2020/TT-BGDĐT, 26/05/2020
4	Nhà để xe học sinh		02	376 m^2	Đạt ***Mức độ 2*** theo TT 13/2020/TT-BGDĐT, 26/05/2020
5	Sân chơi thể thao	Khu	03	1.658 Picth và	Đạt ***Mức độ 2*** theo TT 13/2020/TT-BGDĐT,

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Diện tích	Đạt yêu cầu theo quy định
				Bóng đá: 838 m^2 Bóng rổ: 420 m^2 Bóng chuyền: 400 m^2	26/05/2020
6	Nhà thể thao đa năng	Nhà	01	730 m^2	Cầu lông và bóng bàn
IV	**Khối phục vụ sinh hoạt**				
1	Nhà bếp	Nhà	01	52.3 m^2	Đạt ***Mức độ 2*** theo TT 13/2020/TT-BGDĐT, 26/05/2020
2	Kho bếp	Nhà	01	9.3 m^2	Đạt ***Mức độ 2*** theo TT 13/2020/TT-BGDĐT, 26/05/2020
3	Nhà ăn	Nhà	01	175.6 m^2	Đạt ***Mức độ 2*** theo TT 13/2020/TT-BGDĐT, 26/05/2020
4	Phòng ở nội trú	**Phòng**	01	845m^2	Đạt ***Mức độ 2*** theo TT 13/2020/TT-BGDĐT, 26/05/2020
5	Phòng quản lí học sinh nội trú	**Phòng**	01	20.1 m^2	Đạt ***Mức độ 2*** theo TT 13/2020/TT-BGDĐT, 26/05/2020
5	Phòng Y tế học sinh nội trú	**Phòng**	01	20.1 m^2	Đạt ***Mức độ 2*** theo TT 13/2020/TT-BGDĐT, 26/05/2020
V	**Hạ tầng kỹ thuật**				
1	Hệ thống cấp nước sạch	Hệ thống	01		Đảm bảo tiêu chuẩn theo TT Số: 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT, 12/5/2016
2	Hệ thống điện	Hệ	01	Hệ thống điện lực	Bảo đảm công suất và an toàn phục vụ các

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Diện tích	Đạt yêu cầu theo quy định
		thống		Hoài Nhơn cung cấp	hoạt động của nhà trường
3	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy	Hệ thống	01		Bảo đảm theo các quy định hiện hành.
4	Hạ tầng công nghệ thông tin liên lạc	Hệ thống	02	03 thuê bao điện thoại 03 đường truyền Internet Hệ thống mạng LAN toàn trường	Đảm bảo hoạt động của nhà trường
5	Khu thu gom rác thải	Khu	01	50 m^2	Đạt ***Mức độ tối thiểu*** theo TT 13/2020/TT-BGDĐT, 26/05/2020
VI	**Thiết bị dạy học, sách giáo khoa..**				
1	Thiết bị lớp 10, 11, 12 theo CT PT2018	Bộ	694		Đạt ***Mức độ tối thiểu*** theo TT 39/2021/TT-BGDĐT, 30/12/2021
2	Thiết bị thí nghiệm đơn lẻ	Chiếc	530		
3	Tranh ảnh	Tờ	128		
2	Sách giáo khoa	Cuốn	1.126		Đạt ***Mức độ tối thiểu*** theo TT 39/2021/TT-BGDĐT, 30/12/2021
3	Sách giáo viên	Cuốn	349		Đạt ***Mức độ tối thiểu*** theo TT 39/2021/TT-BGDĐT, 30/12/2021
4	Sách tham khảo	Cuốn	5170		Đạt ***Mức độ tối thiểu*** theo TT 39/2021/TT-

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Diện tích	Đạt yêu cầu theo quy định
					BGDĐT, 30/12/2021
VII	**Thực hiện liên kết để dạy chương trình giáo dục tích hợp**			**Không**	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

Nhà trường triển khai hoạt động TĐG được quy định tại Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Xác định mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn; lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của nhà trường; để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận hoặc không công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, chuẩn quốc gia.

Căn cứ Công văn số 5932/BGDĐT-QLCL, ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông; Phụ lục 18a, 18b Kèm theo Công văn số 5932 /BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường đã huy động tất cả các nguồn lực sẵn có; thành lập Hội đồng tự đánh giá gồm 09 thành viên là cán bộ chủ chốt của nhà trường (Lãnh đạo trường, trưởng các đoàn thể, đại diện Công đoàn, Đoàn TN CS HCM, Thanh tra nhân dân). Ban thư ký là các cán bộ giáo viên có kinh nghiệm để triển khai thực hiện công tác TĐG và triển khai các biện pháp cải tiến chất lượng. Các thành viên trong nhà trường đã chủ động, tích cực tham gia thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng, với những nỗ lực cố gắng, nhà trường đã từng bước khắc phục và hoàn thiện công tác TĐG theo từng năm học.

Năm 2022, Nhà trường tự đánh giá đạt Kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 theo quy định. Đã đề nghị Sở Giáo dục Đào tạo về Thẩm dịnh và kiểm định các tiêu cchuẩn, tiêu chí Kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

Tháng 7 năm 2022, nhà trường được công nhận đạt Kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 (theo Quyết định số 944/QĐ-SGDĐT ngày 05/7/2022 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Định) và trường đạt Chuẩn Quốc gia Mức độ 1 (theo Quyết định số 2214/QĐ-UBND ngày 16/7/2022 của Chủ tịch Uỷ ban nhân

dân tỉnh Bình Định).

Hằng năm, nhà trường thành lập Hội đồng tự đánh giá gồm các thành viên là cán bộ chủ chốt của nhà trường (Lãnh đạo trường, trưởng các đoàn thể, đại diện Công đoàn, Đoàn TN CS HCM, Thanh tra nhân dân). Ban thư ký là các cán bộ giáo viên có kinh nghiệm để triển khai thực hiện công tác TĐG và triển khai các biện pháp cải tiến chất lượng

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục trong năm học

a) Kế hoạch hoạt động tuyển sinh, trong đó quy định rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan

- Kế hoạch số: 128/KH-CVA ngày 28 tháng 4 năm 2026

+ Mục đích, yêu cầu, nguyên tắc tuyển sinh:

Mục đích: Giúp cho phụ huynh và học sinh cấp THCS nắm bắt được những thông tin cơ bản trong kỳ tuyển sinh vào 10 trường THPT chuyên Chu Văn An.

Yêu cầu: Tham vấn, giải đáp những vướng mắc cho phụ huynh và học sinh trong công tác tuyển sinh đầu cấp; Tuyển sinh đúng đối tượng đảm bảo theo quy chế tuyển sinh của SGD đối với trường chuyên.

+ Phương thức tuyển sinh:

Vòng 1: Sơ tuyển.

Vòng 2: Thi tuyển đối với những học sinh đã đạt sơ tuyển vòng 1.

+ Địa bàn và chỉ tiêu tuyển sinh:

Học sinh lớp 9 thuộc các địa phương: phường Bồng Sơn, phường Hoài Nhơn Nam, phường Hoài Nhơn, phường Hoài Nhơn Đông, phường Hoài Nhơn Tây, phường Tam Quan, phường Hoài Nhơn Bắc, Xã Hoài Ân, Xã Ân Tường, Xã Kim Sơn, Xã Vạn Đức, Xã Ân Hảo, Xã Phù Mỹ, An Lương, Bình Dương, Phù Mỹ Nam, Phù Mỹ Đông, Phù Mỹ Tây, Phù Mỹ Bắc, An Hòa, An Lão, An Vinh, An Toàn.

+ Thời gian tuyển sinh và các thông tin liên quan:

Ngày thi	Buổi thi	Môn thi	Thời gian làm bài
27/6/2026	Sáng	Ngữ văn	120 phút
	Chiều	Tiếng Anh	60 phút
28/6/2026	Sáng	Toán	120 phút
	Chiều	Môn chuyên	150 phút

b) Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục:

Nhà trường thực hiện theo kế hoạch giáo dục số 12/KH-CCVA ngày 13 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng trường THPT chuyên Chu Văn An.

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình, xã hội:

- Tăng cường các biện pháp phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong đảm bảo an toàn, phòng chống bạo lực học đường, bạo lực trên môi trường mạng, xây dựng môi trường học tập và rèn luyện tích cực, khuyến khích sự tham gia của gia đình và xã hội vào các hoạt động giáo dục và phát triển kĩ năng cho học sinh.

- Phối hợp giữa nhà trường với chính quyền địa phương, Công an trong công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật cho học sinh, đảm bảo an ninh, an toàn trong nhà trường, phát hiện, ngăn chặn, xử ký kịp thời các vi phạm đạo đức, lối sống, vi phạm pháp luật.

đ) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh:

**** Hoạt động hướng nghiệp đối với học sinh lớp 12***

Phối hợp với các trường Đại học tổ chức 2 buổi tư vấn tuyển sinh cho học sinh lớp 12 vào tháng 3 và 5 năm 2026.

**** Hoạt động tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật và luật nghĩa vụ quân sự***

-Thời gian: tháng 10/2025.

- Địa điểm: Trường THPT chuyên Chu Văn An

**** Hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức sức khỏe sinh sản vị thành niên***

- Thời gian: tháng 11/2025.

- Địa điểm: Trường THPT chuyên Chu Văn An.

**** Hoạt động ngoại khóa giáo dục phòng, chống tham nhũng***

- Thời gian tháng 12/2025.

- Địa điểm: Trường THPT chuyên Chu Văn An.

**** Chương trình " Ngày hội đoàn viên"***

- Thời gian: tháng 3/2026

- Địa điểm: Trường THPT chuyên Chu Văn An

* Hoạt động của các câu lạc bộ: Câu lạc bộ Stem; Câu lạc bộ bóng chuyền, bóng rổ; bóng đá; Câu lạc bộ Tiếng anh; câu lạc bộ Truyền thông…

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước

a) Kết quả tuyển sinh:

Năm học: 2025-2026

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			Đối sánh với năm học trước
			Khối lớp 10	Khối lớp 11	Khối lớp 12	
1	**Kết quả tuyển sinh**					
1.1	Bình quân số HS/lớp	773	28	32	33	33
1.2	Số HS học 2 buổi/ngày	773	254	259	260	0
1.3	Số học sinh nam	362	118	135	109	365
1.4	Số HS nữ	411	136	124	151	416
1.5	Số HS khuyết tật	02	0	01	01	02
1.6	Số HS DT thiểu số	0				0
1.7	Số HS chuyển đi	0				0
1.8	Số HS chuyển đến	0				0
2	**Kết quả đánh giá học sinh**					
2.1	Số HS lên lớp	773	254	259	260	781
2.2	Số HS ở lại lớp	0				0

b) Thống kê kết quả đánh giá theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Xếp rèn luyện

Khối lớp	**Tốt**		**Khá**		**Đạt/Trung bình**		**Chưa đạt/Yếu**	
	Số HS	**%**	**Số HS**	**%**	**Số HS**	**%**	**Số HS**	**%**
10	250	98,43	4	1,57	**0**	0	**0**	0
11	259	100	0	0	**0**	0	**0**	0
12	257	98,85	3	1,15	**0**	0	**0**	0
Toàn trường	766	99,09	7	0,91	**0**	0	**0**	0

- Xếp loại học lực

Khối lớp	**Tốt**		**Khá**		**Đạt/Trung bình**		**Chưa đạt/Yếu**		**Kém**		**Tổng số HS**
	Số HS	**%**	**Số HS**	**%**	**Số HS**	**%**	**Số HS**	**%**	**Số HS**	**%**	

10	241	94,88	13	5,12	**0**	0	**0**	0	**0**	0	254
11	259	100	0	0	**0**	0	**0**	0	**0**	0	259
12	260	100	0	0	**0**	0	**0**	0	**0**	0	260
Toàn trường	760	98,32	13	1,68	**0**	0	**0**	0	**0**	0	773

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh được trúng tuyển vào các cơ sở nghề nghiệp, trúng tuyển vào đại học

- Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình: 260, Tỉ lệ: 100%

- Số học sinh được cấp bằng tốt nghiệp: 260, Tỉ lệ: 100%

- Số lượng học sinh được trúng tuyển vào các cơ sở nghề nghiệp đại học, cao đẳng: 260, Tỉ lệ: 100%

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định của pháp luật, trong đó có các khoản thu, chi hoạt động như sau:

Các căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo quy định mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Gia Lai từ năm học 2025-2026.

Mức thu học phí:

Thành thị	Nông thôn	Miền núi
300.000 đồng/tháng/hs	200.000 đồng/tháng/hs	100.000 đồng/tháng/hs

Đơn vị tính: ngàn đồng

TT	NỘI DUNG	NĂM HIỆN TẠI	NĂM TRƯỚC LIỀN KỀ
A	**CÁC KHOẢN THU**	**21.381.388**	
1	**Ngân sách nhà nước hỗ trợ**	**19.664.775**	**16.628.455,444**
	Trong đó:		
1.1	*Ngân sách nhà nước giao tự chủ tài chính*	14.911.409	11.328.962
1.2	*Ngân sách nhà nước giao không tự*	4.753.366	5.299.493.000

TT	NỘI DUNG	NĂM HIỆN TẠI	NĂM TRƯỚC LIỀN KỀ
	chủ tài chính(6.312.566-1.559.200 cấp bù học phí)		
1.3	*Ngân sách nhà nước hỗ trợ khác*		
2	**Thu học phí**	**1.559.200**	**1.067.270**
	Trong đó:		
2.1	*Học phí THCS*		
2.2	*Học phí THPT (ngân sách cấp bù)*	1.559.200	1.067.270
2.3	*Học phí GDTX*		
2.4	*Học phí khác (liên kết đào tạo…)*		
3	**Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học**	**157.413**	**1.032.077,65**
3.1	Dạy thêm học thêm	137.022	1.012.865,6
3.2	Y tế học đường	3.807	12.326
3.3	Tuyển sinh ĐH CĐ	16.011	6.066
3.4	Thu lãi TK tiền gửi	573	820,05
B	**CÁC KHOẢN CHI**	**20.832.342**	
B.1	**Ngân sách nhà nước hỗ trợ**	**19.487.249**	**16.628.455,444**
	Ngân sách tự chủ	***14.911.409***	10.793.801,261
1	Chi lương và thu nhập cho CB, GV, NV và người lao động	12.553.539	5.507.216,374
2	Chi hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ	2.107.094	156.878
3	Chi cơ sở vật chất và mua sắm thiết bị dạy học	81.590	170.559,809
4	Chi khác	169.186	**1.067.270**
	Ngân sách không tự chủ	***4.575.840***	458.798,948
1	Chi lương và thu nhập cho CB, GV, NV và người lao động		525.580,252
2	Chi hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ	4.575.840	0
3	Chi cơ sở vật chất và mua sắm thiết bị dạy học		21.345,4

TT	NỘI DUNG	NĂM HIỆN TẠI	NĂM TRƯỚC LIỀN KỀ
4	Chi khác		61.545,4
B.2	**Chi học phí**	**1.187.680**	**1.032.077,65**
1	Chi lương và thu nhập cho CB, GV, NV và người lao động	214.156	**1.012.865,6**
2	Chi hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ	403.636	744.456,228
3	Chi cơ sở vật chất và mua sắm thiết bị dạy học		148.891,24
4	Chi thực hiện nghĩa vụ nhà nước (thuế TNDN)	12.608	99.260,82
5	Chi khác	557.280	20.257,312
B.3	**Chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học**	**157.413**	0
1	**Tiền dạy thêm, học thêm**	**137.022**	**12.326**
1.1	*Chi trả tiền trực tiếp giảng dạy*	107.425	*4.125*
1.2	*Chi công tác quản lý*	13.428	*8.201*
1.3	*Chi sửa chữa CSVC, tiền điện, nước*	13.429	**6.066**
1.4	*Chi thực hiện nghĩa vụ nhà nước (thuế TNDN)*	2.740	*121,320*
1.5	*Chi khác*	0	*5.944,680*
2	**Y tế học đường**	**3.807**	**820,05**
2.1	*Chi hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ*	*3.807*	*803,649*
2.2	*Chi khác*		*0*
3	**Tuyển sinh ĐH CĐ**	**16.011**	*16,401*
3.1	*Chi thực hiện nghĩa vụ nhà nước (thuế TNDN, thuế GTGT)*	*320*	
3.2	*Chi hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ*	*15.691*	
4	**Thu lãi TK tiền gửi**	**573**	
4.1	*Chi hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ*	*34*	

TT	NỘI DUNG	NĂM HIỆN TẠI	NĂM TRƯỚC LIỀN KỀ
4.2	*Chi khác*	*510*	
4.3	*Chi thực hiện nghĩa vụ nhà nước (thuế TNDN)*	*29*	

.2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học

Học kỳ II năm học 2024-2025

- Đối tượng miễn, giảm học phí được thực hiện theo quy định tại các Điều 14, 15, 16, 17 và các Điều có liên quan của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn hiện hành;

- Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập: thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Học kỳ I năm học 2025-2026

- Đối tượng miễn, giảm học phí được thực hiện theo quy định tại các Điều 15, 16của Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ: Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

- Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập: thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ: Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo

- Kết quả thực hiện chính sách năm 2025:

Học kỳ II năm học 2024-2025: 10.000.000 đồng, với số lượng miễn 100%: 05 học sinh (thành thị: 04 học sinh, nông thôn: 01 học sinh; miền núi: 0 học sinh); giảm 50%: 14 học sinh (thành thị: 08 học sinh, nông thôn: 06 học sinh; miền núi: 0 học sinh). Học kỳ I năm học 2025-2026: 928.800.000 đồng, với số lượng miễn 100%: 774 học sinh (thành thị: 774 học sinh, nông thôn: 0 học sinh; miền núi: 0 học sinh).

+ Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP: Học kỳ II năm học 2024-2025: 3.750.000 đồng,

+ Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP: Học kỳ I năm học 2025-2026: 2.400.000 đồng,

3. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có):

Đơn vị tính: ngàn đồng

TT	NỘI DUNG	NĂM HIỆN TẠI	NĂM TRƯỚC LIỀN KỀ
1	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	331.135	
2	Quỹ bổ sung thu nhập	290.587	
3	Quỹ khen thưởng	111.725	
4	Quỹ phúc lợi	224.870	
5	Các Quỹ khác theo quy định của pháp luật (nếu có).		
	Tổng cộng:	**958.317**	

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

+ Thi chọn HSG Quốc gia có 18/30 học sinh đạt giải, trong đó có 3 giải nhì; 7 giải ba và 8 giải khuyến khích.

+ Thi chọn HSG cấp tỉnh lớp 12 năm học 2025 - 2026: 93 học sinh đạt giải (02 giải nhất, 17 giải nhì, 30 giải ba và 44 giải khuyến khích).

+ Thi chọn HS cấp tỉnh THPT năm học 2025 - 2026 có 82 học sinh đạt giải (2 giải nhất, 20 giải nhì, 26 giải ba và 34 giải khuyến khích).

+ Thi Olympic 30/4 có 33/39 HS đạt huy chương: 6 HCV; 19 HCB và 8 HCĐ.

+ Thi chọn HSG Khu vực Duyên hải và Đồng bằng bắc bộ có 21/30 HS đạt giải, gồm 03 HCB, 10 HCĐ, 08 KK.

+ Thi Olympic Toán HS chuyên: 01 HCB; 02 HCĐ; 02 giải KK.

+ Thi Olympic Tin học Miền Trung-Nguyên đạt 02HCB, 03HCĐ, 3KK.

+ Cuộc thi Hue-ICT Challenge 2026: 02 giải ba và 03 giải KK.

Trường THPT chuyên Chu Văn An báo cáo kết quả thường niên năm 2025 để Sở Giáo dục và Đào tạo theo dõi và chỉ đạo./.

Nơi nhận:
- Sở GDĐT (báo cáo);
- Thông báo;
- Website của trường;
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN

Dương Trọng Anh